

Name: .....

Grammar + Vocabulary: .....

Class: S2...

Reading: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

## GLOBAL ENGLISH 2

## Unit 3 - Ready, steady, go - Vocabulary 3 &amp; Grammar 2

## A. Vocabulary

## ❖ Healthy food

|                                                |                                         |                                           |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|
| <p>1</p> <p><b>yogurt (n)</b><br/>sữa chua</p> | <p>2</p> <p><b>milk (n)</b><br/>sữa</p> | <p>3</p> <p><b>orange (n)</b><br/>cam</p> |
| <p>4</p> <p><b>carrot (n)</b><br/>cà rốt</p>   | <p>5</p> <p><b>soup (n)</b><br/>súp</p> |                                           |

\*Note: n = noun: danh từ

\*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

## B. Grammar

## ❖ Lượng từ all / most / some

| Cách dùng                                                                                                                            | Ví dụ                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>all</b><br/>(tất cả)</p> <p><b>most</b><br/>(phần lớn, đa số)</p> <p><b>some</b><br/>(một vài)</p> <p>} + danh từ số nhiều</p> | <p><b>All</b> candies are sweet.<br/>(Tất cả kẹo đều ngọt.)</p> <p><b>Most</b> candies have pink colour.<br/>(Đa số kẹo có màu hồng.)</p> <p><b>Some</b> candies have green colour.<br/>(Một vài chiếc kẹo có màu xanh.)</p> |

## ❖ like / don't like + V-ing

Cách dùng: dùng để thể hiện sở thích của bản thân, mang tính lâu dài

| like + V-ing (thích làm gì)                                                                                                                    | don't like + V-ing (không thích làm gì)                                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>I like dancing.</p> <p>We like playing football.</p> <p>They like writing.</p> <p>You like fishing.</p> <p>Mike and Sarah like singing.</p> | <p>I don't like dancing.</p> <p>We don't like playing football.</p> <p>They don't like writing.</p> <p>You don't like fishing.</p> <p>Mike and Sarah don't like singing.</p> |

\*Note: V = verb: động từ

### C. Homework

#### I. Finish the words and match with the pictures (Hoàn thành các từ vựng và nối với tranh)

0. FOOT

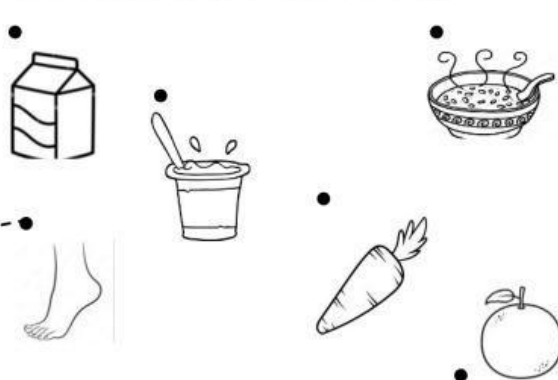
1. C   R   T

2. Y   G   R   

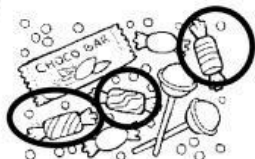
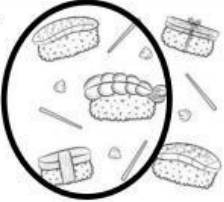
3. M   L   

4. O   N   E

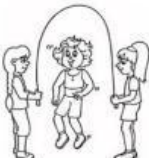
5.    U   P



#### II. Look at the picture and choose YES or NO (Nhìn tranh và chọn YES hoặc NO)

|                                                                                        |                                                                                 |                                                                                         |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 0.    | SOME CANDIES<br><input checked="" type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO | 1.    | ALL CANDIES<br><input type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO |
| 2.   | ALL SWEETS<br><input type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO              | 3.   | MOST SWEETS<br><input type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO |
| 4.  | SOME CANDIES<br><input type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO            | 5.  | ALL FOODS<br><input type="radio"/> YES / <input type="radio"/> NO   |

#### III. Complete the sentence with the given words (Hoàn thành câu với những từ cho sẵn)

|                                                                                     |                                                 |                                                                                      |                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|  | 0. I <u>like playing</u> (like/ play) football. |   | 3. You _____ (like/ cook).     |
|  | 1. I _____ (like/ dance).                       |  | 4. We _____ (like/ skip) rope. |
|  | 2. The children _____ (like/ walk).             |   | 5. They _____ (like/ run).     |

## Part 2

– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



### Example

**Jim:** My grandma bought me a car yesterday!

**Paul:**

- (A) Wow!
- B It's good.
- C He's fantastic!

### Questions

**1 Jim:** It's a toy car like the one in my favourite film. I love cars.

**Paul:**

- A Come on.
- B Me too.
- C See you.

- 2 Jim:** Have you got lots of cars?
- Paul:**
- A Yes, there are.
  - B Yes, twenty.
  - C Yes, I know.
- 3 Jim:** How often do you watch films?
- Paul:**
- A At weekends.
  - B I watched last Wednesday.
  - C You do it every day.
- 4 Jim:** What kind of films do you like?
- Paul:**
- A I'd like them.
  - B That's my favourite.
  - C All films.
- 5 Jim:** I like going to the cinema, but I think watching DVDs at home is better.
- Paul:**
- A What a great film.
  - B So do I.
  - C Here you are.
- 6 Jim:** How about coming to my house on Saturday to watch a DVD?
- Paul:**
- A Well done!
  - B That's it!
  - C Good idea!